

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2019
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”
giữa chị H với anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 514/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trịnh Thị Nhũ H, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đồng Nhon, xã Lương Quới, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Lê Minh T, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Vinh Điền, xã Vang Quới T, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03 tháng 10 năm 2018, bản tự khai ngày 21/01/2019, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trịnh Thị Nhũ H trình bày:

Chị Trịnh Thị Nhũ H và anh Lê Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào

năm 2005, hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới T, huyện BD, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2005. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 6/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, anh T không lo làm ăn, xây dựng gia đình và thường hay chửi mắng, đánh đập vợ, con. Chị H cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh T để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, kết quả hôn nhân không đặc được và vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa.

Tại tòa, chị Trịnh Thị Nhủ H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Lê Trịnh Khánh T, sinh ngày 13/9/2012; Lê Trịnh Kim L, sinh ngày 01/8/2014; Lê Trịnh Kim P, sinh ngày 01/8/2014. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu Phúc, giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, đồng thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2019, biên bản hòa giải ngày 21/01/2019, cũng như tại phiên tòa, anh Lê Minh T trình bày:

Anh Lê Minh T thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Trịnh Thị Nhủ H về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên, anh T trình bày vợ chồng chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn là do chị Trịnh Thị Nhủ H trong cuộc sống vợ chồng, chị H chăm sóc cho chồng, con thiếu chu đáo và có mối quan hệ với người đàn ông khác. Trong lúc nóng giận, không kiềm chế được anh T có “đánh tát mặt” chị H, nhưng không đánh mạnh để chị H thay đổi cuộc sống.

Từ giữa năm 2018 cho đến nay, anh T đã cố gắng lo làm ăn, cố gắng thuyết phục chị H và lo chăm sóc gia đình, vợ con để vợ chồng đoàn tụ trở lại, tuy nhiên không có kết quả, do đó tại tòa chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Anh Lê Minh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên là Lê Trịnh Khánh T, sinh ngày 13/9/2012; Lê Trịnh Kim L, sinh ngày 01/8/2014; Lê Trịnh Kim P, sinh ngày 01/8/2014, đồng thời không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, có mặt đúng theo giấy triệu tập của tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Nhũ H với anh Lê Minh T.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Nhũ H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Lê Trịnh Kim L, sinh ngày 01/8/2014; Lê Trịnh Kim P, sinh ngày 01/8/2014. Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Trịnh Khánh T, sinh ngày 13/9/2012, đồng thời hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, đồng thời bị đơn Lê Minh T cư trú trên địa bàn huyện BD nên Tòa án nhân dân huyện BD có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với Điều 28, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trịnh Thị Nhũ H và anh Lê Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, đồng thời hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 6/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị H và anh T cũng đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2017 cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân, chị H và anh T ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau. Tại tòa, anh T cũng cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với chị H và

đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh T vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận

[2] Về con chung: Hiện tại cháu Lê Trịnh Khánh T, sinh ngày 13/9/2012 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Lê Trịnh Kim L, sinh ngày 01/8/2014 và cháu Lê Trịnh Kim P, sinh ngày 01/8/2014 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, do đó cần giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L và cháu Phúc cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu.

Ghi nhận việc chị Trịnh Thị Nhũ H và anh Lê Minh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trịnh Thị Nhũ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trịnh Thị Nhũ H với anh Lê Minh T.

2/ Về con chung: Chị Trịnh Thị Nhũ H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trịnh Kim L, sinh ngày 01/8/2014; Lê Trịnh Kim P, sinh ngày 01/8/2014. Anh Lê Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trịnh Khánh T, sinh ngày 13/9/2012.

Ghi nhận việc chị Trịnh Thị Nhũ H và anh Lê Minh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trịnh Thị Nhũ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020998 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn Trịnh Thị Nhũ H, bị đơn Lê Minh Thề có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- UBND xã Vang Quới T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- UBND xã Bình Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu H

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

